TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 7 năm 2024
"Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Hương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Thúy Lợi.
2. Bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm côngkhai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc: "Yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. NgU đơn: Chị Đặng Thị Phương T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn 1, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 1, xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa ngU đơn chị Đặng Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AP, thành phố P, tỉnh Gia Lai , vào ngày 24/02/2012. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 01 năm 2024 chị với anh D đã ly thân. Hiện chị không còn tình cảm với anh D nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Viết D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung: Nguyễn Nhã U sinh ngày 22/3/2013 và Nguyễn H sinh ngày 30/3/2015. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp chăm sóc cháu Nguyễn H, giao cháu Nguyễn Nhã U cho anh D trực tiếp nuôi dưỡngng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị và anh D không có tài sản chung và nghĩa vụ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Viết D. Tuy nhiên, anh D không đến Toà án tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa;

Xem xét nguyện vọng của các con: cháu Nguyễn Nhã U có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Viết D và cháu Nguyễn H có nguyện vọng được ở với chị Đặng Thị Phương T khi cha mẹ ly hôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Đảm bảo theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Đối với ngU đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các Điều 70,71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn khôngđến Tòa án để tham gia tố tụng, khôngcó bản tự khai, khôngtham gia hòa giải, khôngtham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn khôngchấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình vụ án.

Căn cứ theo các tài liệu và chứng cứ do ngU đơn cung cấp. Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngU đơn.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 18/3/2024; Trích lục kết hôn số 10 ngày 29/8/2022; Căn cước công dân tên Đặng Thị Phương T và Nguyễn Viết D ; Bản sao Giấy khai sinh của Nguyễn Nhã U và Nguyễn H; Bản tự khai của Đặng Thị Phương T; Biên bản xác minh ngày 22/3/2024; Đơn trình bày nguyện vọng của Nguyễn Nhã U và Nguyễn H; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, côngkhai chứng cứ ngày 13/6/2024; Đơn yêu cầu khôngtiến hành hòa giải; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 13/6/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết*: Chị Đặng Thị Phương T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con với anh Nguyễn Viết D theo quy định của pháp luật. Đơn khởi kiện của Chị Đặng Thị Phương T được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; Chị Đặng Thị Phương T và anh Nguyễn Viết D đều cư trú tại thành phố P, nên Tòa án D dân thành phố P giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về việc bị đơn vắng mặt*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Viết D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý

do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của ngU đơn*:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Phương T và anh Nguyễn Viết D chung sống và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của Chị Đặng Thị Phương T thì thấy rằng: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng để chị T và anh D đến Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng anh D đều vắng mặt chứng tỏ anh D không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng. Như vậy, đã có đủ cơ sở khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Đặng Thị Phương T và anh Nguyễn Viết D có hai con chung là cháu Nguyễn Nhã U sinh ngày 22/3/ 2013 và cháu Nguyễn H sinh ngày 30/3/2015; chị T yêu cầu giao cháu Nguyễn Nhã U cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giao con Nguyễn H cho chị trực tiếp nuôi Dỡng. Yêu cầu nuôi con của chị T là phù hợp với nguyện vọng của cháu U và cháu H; anh D không thể hiện ý kiến về việc nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T: giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn H, giao anh D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhã U; thời gian chăm sóc và giáo dụng con chung cho đến khi các cháu thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp Dỡng nuôi con: Chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu giải quyết cấp Dỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa chung: Chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Phương T.

- Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Phương T được ly hôn anh Nguyễn Viết D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn H sinh ngày 30/3/2015 cho chị Đặng Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Nhã U

sinh ngày 22/3/2013 cho anh Nguyễn Viết D trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị Đặng Thị Phương T không yêu cầu giải quyết.

2. *Về án phí:* Chị Đặng Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001417 ngày 21/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị Đặng Thị Phương T đã nộp đủ án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án, ngU đơn được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.P;
- THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- UBND xã AP, Tp. P, Gia Lai;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Thu Hương